

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày: 13 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum.

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

L. T. L, sinh ngày: 10/8/2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp S. Đ, thị trấn H. N, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An; nơi cư trú hiện nay: khu phố A. P, phường A. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông L. H. L, sinh năm 1980 và bà V. T. T. T, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không có; tiền sự: không có; nhân thân: ngày 27/6/2020, bị Công an xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “ném nước sơn làm hoen bẩn trụ sở làm việc của người khác”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh **V. T. T**, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H. B, xã H. H, huyện Đ. H, tỉnh Long An – có mặt.

+ Chị **P. K. T**, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố A. P, phường A. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* chị **V. T. T. T**, sinh năm 1984; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S. Đ, thị trấn H. N, huyện Đ. H, tỉnh Long An; địa chỉ nơi cư trú: khu phố A. P, phường A. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh **V. C. L**, sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: khu phố A. P, phường A. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

+ Bà **H. T. N**, sinh năm 1957; địa chỉ nơi cư trú: khu phố A. P, phường A. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 31/12/2021, anh V. T. T điều khiển xe mô tô biển số 62P2-081.09, nhãn hiệu Honda loại Future Fi, màu xanh-bạc-đen đến nhà chị V. T. T.T thuộc khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để dự tiệc tân gia. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, L. T. L (con chị T) nhìn thấy xe mô tô biển số 62P2-081.09 của anh Tịnh đang dựng trong sân có sẵn chìa khoá, trong bóp xe có số tiền 2.000.000 đồng nên lên lút đẩy xe ra đường và điều khiển xe đến tiệm cầm đồ “Văn No” thuộc khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do chị P. K. T quản lý, cầm cố với số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, L mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu xanh-xám, biển số 70L1-447.41 của chị T để đi mua đồ cá nhân thì chị T đồng ý. Sau khi nhận được xe, L điều khiển đến khu vực khu phố L. D, phường Trảng Bàng tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với 03 người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) thua hết tiền. L tiếp tục cầm cố xe mô tô biển số 70L1-447.41 của chị T cho một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc và thua hết tiền. Cùng ngày, anh T và chị T đến Công an phường An Tịnh trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04-KL-HĐĐGTS ngày 25/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Trảng Bàng kết luận:

+ Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future Fi, màu xanh-bạc-đen, biển số 62P2-081.09, số máy: JC76E1146773, số khung: 7635LY030994, dung tích xi lanh 125 cm³ trị giá 31.500.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh-xám, biển số 70L1-447.41, số máy: HC12E1596318, số khung: 12059Y538205, dung tích xi lanh 97 cm³ trị giá 7.000.000 đồng.

Qua xác minh, bị cáo L không có tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên tài sản của bị cáo.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKSTrB ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo L. T. L về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L. T. L mức án từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L. T. L mức án từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên toà, bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại V. T. T trình bày: chiếc xe mô tô biển số 62P2-081.09 do bị cáo L lén lút lấy trộm của anh. Anh T đồng ý với giá mà Hội đồng định giá đã định là 31.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi xe mô tô biển số 62P2-081.09 và số tiền 2.000.000 đồng trả lại cho anh nên anh không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, anh xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra bị hại P. K. T trình bày: sau khi bị cáo L cầm cố xe mô tô biển số 62P2-081.09 với số tiền 10.000.000 đồng thì hỏi mượn xe mô tô biển số 70L1-447.41 của chị để đi mua đồ cá nhân rồi trả lại nhưng sau khi mượn xe của chị bị cáo đã cầm cố xe cho người khác không trả lại xe cho chị. Chị không có ý kiến gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị số tiền 17.000.000 đồng nên chị không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về mặt hình sự, chị yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị V. T. T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà chị đã bồi thường cho chị T thay cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, dữ liệu đĩa CD-R do bị hại P. K. T giao nộp, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: vào lúc 19 giờ 15 phút ngày 31/12/2021, tại nhà bà V. T. T. T thuộc khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, L. T. L có hành vi trộm cắp của anh V. T. T 01 xe mô tô biển số 62P2-081.09 trị giá 31.500.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng và lợi dụng lòng tin của chị P. K. T để mượn xe mô tô biển số 70L1-447.41 của chị T trị giá 7.000.000 đồng đem đi cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 và Điều 175 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để đánh bạc, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại T số tiền 17.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên

toà người bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Mặc dù Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ném nước sơn làm hoen bẩn trụ sở làm việc của người khác” nên có nhân thân xấu. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần cân nhắc khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: qua điều tra, xác minh thể hiện bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh V. T. T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future Fi, màu xanh-bạc-đen, biển số 62P2-081.09, số máy: JC76E1146773, số khung: 7635LY030994 và số tiền 2.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: anh V. T. T đã nhận lại tài sản là một xe mô tô biển số 62P2-081.09 và số tiền 2.000.000 đồng, chị P. K. T đã nhận số tiền 17.000.000 đồng do gia đình bị cáo L bồi thường. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, chị T, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà V. T. T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà bà đã bồi thường cho chị T thay cho bị cáo L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Chị Phạm Kim Trung không biết xe mô tô biển số 62P2-081.09 do bị cáo L cầm cố là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Đối với người thanh niên đã nhận cầm cố xe mô tô loại Wave biển số 70L1-447.41 từ bị cáo L và tụ điểm đánh bạc bị cáo L khai hiện chưa xác định được nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo L. T. L 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội

“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chịu là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2022.

2. Về án phí: bị cáo L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo L, anh T, chị T được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trung được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Yến